

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày 26-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 26-7-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-DS ngày 25-4-2023, về Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS ngày 29-6-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn C; nơi cư trú: Thôn NghD, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương, có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị G; nơi cư trú: Thôn KH, xã AH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên toà nguyên đơn là anh Phạm Văn C trình:

Cửa hàng vật liệu C Vững do anh là Phạm Văn C làm chủ chuyên cung cấp các mặt hàng Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh. Do có nhu cầu cung cấp vật liệu xây dựng để xây nhà ở, chị Nguyễn Thị G đã mua của cửa hàng anh các mặt hàng gồm Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh từ ngày 02-3-2018 đến 16-6-2019 với giá thỏa thuận giữa hai bên và thanh toán theo từng giai

đoạn lấy hàng. Nếu bên anh cung cấp sai hoặc thừa các mặt hàng mà chị G không sử dụng đến, sử dụng thừa thì sẽ hoàn trả lại cho cửa hàng của anh (được thể hiện ngay trên các hóa đơn giao nhận hàng, thanh toán), trên các hóa đơn giao nhận hàng hoá chị G là người ký nhận hoặc các thợ xây ký nhận hộ. Trong quá trình mua bán chị G cũng đã một lần thanh toán cho số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi anh giao đủ các mặt hàng cho chị G và các bên đã chốt hóa đơn số tiền còn nợ là 263.961.000 (Hai trăm sáu mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn) đồng thì chị G không lấy hàng nữa và cho đến nay cũng không thanh toán cho anh số nợ còn lại. Đã nhiều lần anh gọi điện, cho nhân viên đến gia đình chị G để đòi nợ nhưng chị G khất lần không trả. Nay, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo buộc chị Nguyễn Thị G phải trả cho anh số tiền mua Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh với tổng số tiền là 368.237.000 (Ba trăm sáu mươi tám triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 263.961.000 đồng; nợ lại lãi là 9,6%/năm thành tiền là 104.276.000 đồng.

- Tại bản tự khai, tại phiên hoà giải và tại phiên toà bị đơn là chị Nguyễn Thị G trình: Chị xác nhận năm 2018, 2019 chị có mua của anh Phạm Văn C (Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng C Vững) các mặt hàng Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh từ ngày 02-3-2018 đến 16-6-2019 với giá thỏa thuận giữa hai bên và thanh toán theo từng giai đoạn lấy hàng để xây dựng nhà ở, quá trình giao nhận hàng có hoá đơn do chị ký nhận hoặc chị nhờ thợ ký nhận hộ (anh Phạm Văn Thành, Nguyễn Văn Riện và Nguyễn Mạnh Thuỳ là người nhận hàng hộ chị), chị đã nhận đủ hàng và thanh toán cho anh C được 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Đến ngày 16-6-2019, chị và anh C chốt nợ tổng số tiền nợ gốc chị còn nợ anh C là 263.961.000 (Hai trăm sáu ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn) đồng, chị cũng đồng ý số nợ lãi mà anh C tính là 104.276.000 đồng. Do gia đình làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chị đề nghị được trả dần số nợ gốc và xin số tiền lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các điều 351, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, Thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh từ ngày 01-02-2018 đến ngày 16-6-2019 với tổng số tiền nợ là 368.237.000 (Ba trăm sáu mươi tám triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 263.961.000 đồng; nợ lại lãi là 104.276.000

đồng. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị G có nơi cư trú tại xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng phải trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh từ ngày 02-3-2018 đến ngày 16-6-2019. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải lần 2.

- Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 02-3-2018 đến ngày 16-6-2019, giữa anh Phạm Văn C (Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng C Vững) với chị Nguyễn Thị G có thoả thuận mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh nội dung này cũng được chị G xác nhận là đúng. Như vậy, tại thời điểm xác lập giao dịch giữa anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị G đã được thoả thuận trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, mục đích và nội dung thoả thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật. Do đó, Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh giữa anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị G đã có hiệu lực pháp luật, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thoả thuận tại hợp đồng.

[4] Thực hiện Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh từ ngày 02-3-2018 đến ngày 16-6-2019 anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị G đều xác nhận anh C đã giao đủ các mặt hàng như đã thoả thuận cho chị G, chị G đã thanh toán được cho anh C tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại giữa anh C và chị G đã chốt bằng Biên bản nhận nợ ngày 16-6-2019 là 263.961.000 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 16-6-2019 đến ngày 26-7-2023 anh C tính lãi suất là 9,6%/năm tương đương số tiền là 104.276.000 đồng, chị G cũng đồng ý với số tiền lãi mà anh C yêu cầu chị G phải trả là 104.276.000 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là chứng cứ không phải chứng

minh. Nay, chị Nguyễn Thị G vẫn chưa thanh toán cho anh C số nợ của hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C buộc chị Nguyễn Thị G phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về lãi suất chậm trả: Trong hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì việc anh C yêu cầu Toà án buộc chị G phải trả số tiền lãi chậm trả là 9,6%/năm tính từ ngày 16-6-2019 đến ngày 26-7-2023 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26-7-2023, chị Nguyễn Thị G còn nợ và phải trả cho anh Phạm Văn C tổng số tiền của Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ từ ngày 02-3-2018 đến ngày 16-6-2019 tổng số tiền là **368.237.000 (Ba trăm sáu mươi tám triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 263.961.000 đồng; nợ lại lãi là 104.276.000 đồng.**

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C được chấp nhận toàn bộ nên chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho anh Phạm Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 351, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C.

Buộc chị Nguyễn Thị G phải trả cho anh Phạm Văn C số tiền còn nợ của Hợp đồng mua bán Gạch ốp lát, thiết bị điện nước, thiết bị vệ từ ngày 02-3-2018 đến ngày 16-6-2019 tổng số tiền là 368.237.000 (Ba trăm sáu mươi tám triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 263.961.000 (Hai trăm sáu mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn) đồng; nợ lại lãi là 104.276.000 (Một trăm linh bốn triệu hai trăm bảy sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày anh Phạm Văn C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, chị Nguyễn Thị G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.411.850 đồng (Mười tám triệu bốn trăm mười một nghìn tám trăm năm mươi) đồng.

- Trả lại cho anh Phạm Văn C 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu số 0002549 ngày 21-4-2023.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị G có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh